

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG, Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH LÂM ĐỒNG

Số: 40 /2026/DS-ST

Ngày: 14 - 4 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang.

2. Ông Lê Ngọc Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim T – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2025/TLST-DS, ngày 19 tháng 11 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị T1, sinh ngày: 08/4/1987, căn cước công dân số:

060187012370, địa chỉ: Khu phố A, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Ông Đặng Văn L, sinh ngày: 16/12/1994, căn cước công dân số: 060094011741, địa chỉ: Khu phố D, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đoàn Thị T1 trình bày:

Bà T1 và ông Đặng Văn L không có quan hệ huyết thống, chỉ quen biết thông qua mối quan hệ làm biển. Bà T1 là chủ tàu cá số BTh 95074 TS có cho ông Đặng Văn L vay số tiền 23,5 triệu đồng, phương thức vay bằng tiền mặt, bà T1 đã giao đủ tiền vào ngày lập giấy xác nhận nợ, ngày 17/02/2025, hình thức cho vay là không kỳ hạn, không có lãi suất.

Các bên thông nhất trường hợp ông L không đi biển cho tàu của bà T1 thì ông L phải thanh toán số tiền đã vay, trường hợp ông L tiếp tục đi biển cho tàu của bà T1 thì số tiền này có thể trả dần. Tuy nhiên, sau đó ông L không đi biển cho bà T1 mà cũng không thanh toán tiền. Sau nhiều lần yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì khoảng giữa tháng 8 năm 2025, ông L có thanh toán cho bà T1 số tiền là 10 triệu đồng, chưa thanh toán phần còn lại là 13,5 triệu đồng.

Tại đơn khởi kiện, bà T1 đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Văn L phải trả cho bà Đoàn Thị T1 số tiền là 23,5 triệu đồng, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông L phải trả cho bà T1 số tiền là 13,5 triệu đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã

được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ để xác định yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T1 là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đoàn Thị T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Văn L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 23,5 triệu đồng phát sinh từ hợp đồng vay tài sản, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Ông Đặng Văn L có nơi cư trú tại khu phố D, phường P, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Đặng Văn L đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 227 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông L phải trả cho bà T1 số tiền là 13,5 triệu đồng, nhận thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà T1 là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà T1 cung cấp tài liệu, chứng cứ là giấy xác nhận nợ đề ngày 17/2/2025, viết tay, mực màu xanh được ghi thêm vào khoảng trống trên giấy có nội dung in sẵn, giấy có nội dung xác định ông Đặng Văn L có vay nợ của bà T1 số tiền là 23.500.000 đồng, nếu không đi biển cho ghe bà T1 thì ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T1 số tiền này, giấy không thể hiện về lãi suất.

[4] Để chứng minh cho việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của ông L, bà T1 nộp

thông báo đòi nợ đề ngày 01/7/2025, do bà T1 gửi cho ông L, có nội dung bà T1 thông báo do ông L không đi biển cho ghe bà T1 nên ông L có nghĩa vụ trả khoản tiền đã vay, thông báo này được bà T1 gửi qua dịch vụ bưu chính vào ngày 01/7/2025. Đồng thời, bà T1 xác nhận khoảng tháng 8/2025, ông L đã thanh toán một phần nghĩa vụ của mình với số tiền là 10 triệu đồng.

[5] Ông Đặng Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án nhưng không cung cấp ý kiến, không nộp tài liệu, chứng cứ, không tham gia các phiên họp, phiên tòa là không thực hiện nghĩa vụ và từ bỏ quyền của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 91 (*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*), khoản 2 Điều 92 (*Một bên đương sự thừa nhận hoặc **không phản đối** những tình tiết, sự kiện, **tài liệu**, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn **mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh***) của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định tài liệu, chứng cứ mà bà T1 giao nộp có giá trị chứng minh việc vay tiền giữa bà T1 và ông L.

[6] Theo nội dung nêu tại giấy xác nhận nợ thì nghĩa vụ trả nợ của ông L được phát sinh khi ông L không đi biển cho ghe bà T1. Điều 144 Bộ luật Dân sự quy định: “1. *Thời hạn là một khoảng thời gian được xác định từ thời điểm này đến thời điểm khác.* 2. *Thời hạn có thể được xác định bằng phút, giờ, ngày, tuần, tháng, năm hoặc bằng **một sự kiện có thể sẽ xảy ra***”, như vậy kỳ hạn trả nợ của ông L được tính từ thời điểm vay (ngày 17/02/2025) cho đến thời điểm xảy ra sự kiện ông L không đi biển cho ghe bà T1. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay được xác lập giữa bà T1 và ông L là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi suất.

[7] Như đã phân tích tại mục [5], do ông L không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án, theo đó đủ căn cứ để xác định sự kiện ông L không thực hiện việc đi ghe cho bà T1 nên đã phát sinh nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự (*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*). Bà T1 thừa nhận ông L đã trả 10 triệu đồng, nên chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết

buộc ông L phải trả cho bà T1 số tiền là 13,5 triệu đồng, nội dung thừa nhận này có lợi cho bên vay và việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà T1 là quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 29/12/2025, ông Phạm Quang V, là chồng của bà T1, có đăng ký kết hôn và được UBND phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (cũ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 63, ngày 08/8/2018, xác nhận toàn bộ tài sản mà bà T1 cho ông L vay là tài sản thuộc sở hữu riêng của bà T1, không liên quan đến ông V.

[9] Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và cần được chấp nhận. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Đặng Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 91, Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 144, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T1: Buộc ông Đặng Văn L phải trả cho bà Đoàn Thị T1 số tiền là 13.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

+ Bà Đoàn Thị T1 được nhận lại 587.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo Biên lai thu số 0008499, ngày 14/11/2025.

+ Ông Đặng Văn L phải chịu 675.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Đình Phú